

KẾ HOẠCH
Phòng, chống bệnh động vật trên cạn năm 2018
trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015 và các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 6 năm 2016 quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 quy định về quản lý thuốc thú y và các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 476/QĐ-BNN-TY ngày 17 tháng 02 năm 2016 về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng, chống dịch, bệnh Lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020”; số 1206/QĐ-BNN-TY ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc ban hành Chương trình quốc gia giám sát bệnh Cúm gia cầm; số 1537/QĐ-BNN-TY ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc phê duyệt Kế hoạch và Dự toán Chương trình quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 27 tháng 5 năm 2013 về hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người; Công văn số 9167/BNN-TY ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2018; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Phòng, chống bệnh động vật trên cạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kon Tum cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, người chăn nuôi, kinh doanh, mua bán, giết mổ gia súc, gia cầm về nguy cơ, tác hại của dịch, bệnh động vật trên cạn; trách nhiệm của các cấp Chính quyền trong phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định của Pháp luật về thú y;

- Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm, giảm số ổ dịch, giảm thiệt hại về kinh tế; phương châm lấy phòng bệnh là chính, thực hiện quản lý, giám sát chặt chẽ dịch bệnh đến tận cơ sở chăn nuôi nhằm phát hiện sớm, bao vây khống chế, xử lý kịp thời không để các loại dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên diện rộng; sẵn sàng các phương án, nguồn nhân lực, vật tư, hóa chất để chủ động xử lý khi phát sinh các dịch bệnh;

- Tạo điều kiện để người chăn nuôi an tâm đầu tư phát triển bền vững, tạo ra vùng nguyên liệu cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng, tăng thu nhập cho người chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

2. Yêu cầu

- Xây dựng kế hoạch chủ động phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2018 tuân thủ theo quy định của Pháp luật, đáp ứng được yêu cầu của công tác phòng, chống dịch bệnh động vật tại địa phương hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế;

- Chủ động triển khai các biện pháp, huy động nhân lực, vật lực để phục vụ có hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn.

II. Nội dung và giải pháp Kế hoạch chủ động phòng, chống bệnh động vật năm 2018

1. Công tác tiêm phòng

1.1. Sử dụng vắc-xin tiêm phòng bắt buộc các bệnh định kỳ theo quy định cho đàn vật nuôi, bao gồm

a) Các bệnh phải tiêm phòng:

- Đối với trâu, bò: Tiêm vắc-xin phòng bệnh: Lở mồm long móng (*sau đây viết tắt là LMLM*) theo Chương trình quốc gia; Tụ huyết trùng;

- Đối với lợn: tiêm vắc-xin phòng bệnh: LMLM, Tụ huyết trùng và Dịch tả lợn, khuyến khích tiêm phòng vắc xin Phó thương hàn;

- Đối với dê, cừu: tiêm vắc-xin phòng bệnh LMLM;

- Đối với gà, chim cút: tiêm vắc-xin phòng bệnh: Cúm gia cầm thể độc lực cao; sử dụng vắc-xin phòng bệnh Niu-cát-xơn;

- Đối với vịt, ngan: tiêm vắc-xin phòng bệnh Cúm gia cầm thể độc lực cao và vắc-xin Dịch tả vịt;

- Đối với chó, mèo: tiêm vắc-xin phòng bệnh Đại.

b) Đối tượng và phạm vi tiêm phòng:

- Trang trại, cơ sở chăn nuôi tập trung: Trâu, bò, lợn, dê, cừu và gia cầm trừ trường hợp được miễn tiêm phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Đàn gia súc nuôi nhốt, lẻ trong các hộ gia đình: Trâu, bò, lợn và một số gia súc mẫn cảm khác nếu có điều kiện về kinh phí.

Các nội dung có liên quan khác thực hiện theo quy định tại phụ lục: 09; 10; 13; 15; 16; 21 và 22 của Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

1.2. Tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra

Thực hiện tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .

1.3. Thời gian tiêm phòng

a) *Vắc-xin LMLM*: Thực hiện theo Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2016 – 2020, theo đó: Sử dụng vắc xin type O&A để tiêm phòng vắc-xin LMLM định kỳ 02 lần/ năm cho đàn trâu, bò, nhằm tạo miễn dịch bảo hộ cho trên 80% tổng đàn trâu, bò; dự kiến thời gian triển khai lần 1 vào tháng 2-5, lần 2 vào tháng 8-11; tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra.

b) *Vắc-xin Tụ huyết trùng*: Hướng dẫn chủ chăn nuôi tiêm phòng theo quy trình nuôi; tiêm phòng bắt buộc định kỳ 01 lần/ năm (đối với trâu, bò), dự kiến thời gian triển khai vào tháng 5, số lượng vắc xin dự kiến sử dụng vắc xin Tụ huyết trùng nhũ dầu; tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra.

c) *Tiêm phòng vắc-xin Cúm gia cầm*: Hướng dẫn chủ chăn nuôi tiêm phòng theo quy trình nuôi và triển khai tiêm phòng bắt buộc định kỳ 03 lần/năm tại khu vực nguy cơ cao cho đàn gia cầm nuôi mới, gia cầm giống và gia cầm trúng thương phẩm (triển khai tại thành phố Kon Tum, các huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei và Sa Thầy), dự kiến thời gian triển khai lần 1 vào tháng 3, lần 2 vào tháng 7, lần 3 vào tháng 11; tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra và nguy cơ cao về lây lan dịch cúm.

d) *Sử dụng vắc-xin Niu-cát-xon*: Phòng bệnh cho đàn gà và chim cút; Hướng dẫn người chăn nuôi sử dụng vắc-xin theo quy trình nuôi; tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra và nguy cơ cao về lây lan dịch.

đ) *Tiêm phòng vắc-xin Dịch tả lợn*: Hướng dẫn chủ chăn nuôi tiêm phòng theo quy trình nuôi; triển khai tiêm phòng bắt buộc định kỳ 02 lần/năm, dự kiến thời gian triển khai lần 1 vào tháng 5, lần 2 vào tháng 11; tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra và nguy cơ cao về lây lan dịch.

e) *Tiêm phòng vắc-xin Đại chó, mèo*: Triển khai tiêm phòng vắc-xin bắt buộc định kỳ 01 đợt chính/năm, dự kiến thời gian triển khai đợt chính vào tháng 3-4; tiêm phòng bổ sung hàng tháng; tỷ lệ tiêm phòng đạt ít nhất 70% tổng đàn (Theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện phát động tháng cao điểm tiêm phòng vắc-xin Đại cho chó vào tháng 3-4 hằng năm: thực hiện tiêm bổ sung cho chó mới phát sinh chưa được tiêm phòng, bảo đảm mỗi con được tiêm 1 lần trong năm; bảo đảm tỷ lệ tiêm phòng đạt mức như mục tiêu đã đề ra (Đối với các xã, phường, thị trấn đạt ít nhất 70% tổng đàn; Đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ đạt ít nhất 55% tổng đàn); Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đợt tiêm phòng tập trung theo địa bàn từng thôn, làng hoặc cụm dân cư, giao cho nhân

viên thú y của xã thực hiện tiêm phòng với sự hỗ trợ của Trường thôn hoặc UBND cấp xã;

- Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, hỗ trợ vắc-xin Đại để tiêm phòng cho đàn chó, mèo tại địa phương trong giai đoạn 2017 - 2021 từ nguồn ngân sách địa phương (*Áp dụng theo mục 3.2, Phần III Mục tiêu và các giải pháp thuộc Chương trình quốc gia không chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại giai đoạn 2017-2021*); sau năm 2021 sẽ thực hiện người nuôi chó, mèo chi trả kinh phí tiêm phòng;

- Chủ nuôi chó, mèo phải chấp hành tiêm phòng vắc-xin Đại cho chó, mèo nuôi. Nếu không chấp hành sẽ bị xử phạt vi phạm theo quy định của Chính phủ (*Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ*) và bị cưỡng chế tiêm phòng;

- Tổ chức tiêm phòng và thí điểm đeo thẻ (*vòng cổ có thẻ nhựa hoặc kim loại*) cho chó được tiêm phòng vắc-xin Đại trong vùng an toàn bệnh Đại và các vùng có điều kiện áp dụng.

g) Các loại vắc-xin khác: Hướng dẫn người chăn nuôi triển khai theo quy định. Căn cứ vào chủng vi khuẩn, vi rút lưu hành tại địa phương, cơ quan Thú y xác định đối tượng, phạm vi tiêm phòng và chủng loại vắc-xin sử dụng để phòng, chống bệnh cho phù hợp.

Căn cứ vào tình hình dịch bệnh tại địa phương, Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố hướng dẫn cụ thể về tiêm phòng các loại vắc xin và tổng hợp nhu cầu cung ứng vắc xin cho các Phòng có liên quan của Chi cục để phối hợp cung ứng vắc xin (*nếu có nhu cầu*).

1. 4. Cấp giấy chứng nhận tiêm phòng

Sau khi động vật được tiêm phòng, Trạm Chăn nuôi và Thú y tại các huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận tiêm phòng theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.5. Về nguồn lực

a) Nhân lực: Chủ yếu sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ của địa phương, trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp huy động tăng cường nhân lực từ các địa phương khác và nguồn lực từ tỉnh.

b) Vật lực:

- Dự trữ vật tư, vắc-xin, hóa chất, kinh phí để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, hỗ trợ kinh phí cho chủ vật nuôi để tiêu hủy gia súc, gia cầm mắc bệnh khi công bố dịch hoặc khi dịch bệnh xảy ra nhưng chưa đủ điều kiện công bố dịch ở địa phương;

- Dự trữ các trang thiết bị cần đầu tư, bổ sung, hiệu chỉnh để phục vụ công tác chẩn đoán xét nghiệm, giám sát, điều tra ổ dịch, xây dựng bản đồ dịch tễ và phân tích số liệu.

2. Công tác giám sát

2.1. Giám sát các dịch bệnh nguy hiểm

a) Giám sát bệnh Đại động vật:

- *Giám sát lâm sàng:* Giám sát lâm sàng là chủ yếu với sự hỗ trợ và tham gia của cộng đồng dân cư, cấp Trưởng thôn, nhân viên thú y xã, nhân viên y tế thôn làng và người chăn nuôi; tổ chức tập huấn chuyên môn cho cán bộ thú y để nâng cao kỹ năng điều tra ổ dịch, thu thập thông tin dịch tễ về bệnh Đại động vật.

- *Giám sát bị động:* Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và Chương trình Quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại giai đoạn 2017-2021.

Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm đối với chó có dấu hiệu mắc bệnh Đại, được chẩn đoán lâm sàng nghi mắc bệnh Đại. Lập bản đồ phân bố đàn chó, bản đồ dịch tễ bệnh Đại trên động vật để xác định khu vực có nguy cơ cao mắc bệnh Đại nhằm ưu tiên tập trung các nguồn lực trong công tác phòng chống bệnh Đại.

b) Giám sát Cúm gia cầm:

Thực hiện theo Quyết định số 1206/QĐ-BNN-TY ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình quốc gia giám sát bệnh Cúm gia cầm.

* *Đối với giám sát lâm sàng chủ động phát hiện sớm các ổ dịch Cúm gia cầm trên gia cầm nuôi, chim hoang dã gây nuôi và chim hoang dã:* Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với chính quyền địa phương, người chăn nuôi gia cầm xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác giám sát, phát hiện, báo cáo, lấy mẫu xét nghiệm đàn gia cầm nuôi, chim hoang dã gây nuôi, chim hoang dã bị nghi mắc bệnh Cúm gia cầm cũng như các bệnh nguy hiểm khác trên gia cầm.

- *Mục tiêu:* 100% các ổ dịch lâm sàng trên gia cầm nuôi, chim hoang dã gây nuôi, chim hoang dã bị nghi mắc bệnh Cúm gia cầm phải được phát hiện hoặc báo cáo cho cơ quan thú y kịp thời.

- *Địa điểm:* Thực hiện giám sát tới từng trại, hộ chăn nuôi gia cầm trên địa bàn tỉnh; giao trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân, yêu cầu chủ trang trại, hộ chăn nuôi gia cầm cam kết báo cáo khi nghi ngờ dịch Cúm gia cầm xảy ra, nhằm phát hiện sớm, khống chế kịp thời khi dịch còn ở diện hẹp.

- *Thời gian:* Thực hiện liên tục 12 tháng/năm.

- *Đối tượng giám sát:* Tất cả đàn gia cầm nuôi, chim hoang dã gây nuôi có biểu hiện nghi ngờ Cúm gia cầm hoặc Niu-cát-xon phải được lấy mẫu và gửi bệnh phẩm đến phòng thí nghiệm chẩn đoán để xét nghiệm; Tất cả chim hoang dã, các động vật mắc cảm với bệnh Cúm gia cầm tại vườn thú, vườn quốc gia bị chết không rõ nguyên nhân phải được lấy mẫu và gửi bệnh phẩm đến phòng thí nghiệm vi rút Cúm để xét nghiệm.

- *Loại mẫu*: mẫu Swab hầu họng của gia cầm sống, mẫu phủ tạng gia cầm chết hoặc xác nguyên con gia cầm chết.

- *Số lượng mẫu*: 30 mẫu bệnh phẩm/năm (*lấy mẫu bệnh phẩm của 03 cá thể nghi mắc bệnh hoặc chết trong 01 ổ dịch để xét nghiệm bệnh*).

- *Chỉ tiêu xét nghiệm*: phát hiện vi rút Cúm A/ H5, N1, N6 và chẩn đoán phân biệt với bệnh Niu-cát-xon bằng phương pháp xét nghiệm RealTime RT-PCR.

- *Kinh phí*: Nguồn ngân sách tỉnh.

Trên cơ sở kết quả giám sát, cùng với việc thu thập thông tin, dữ liệu về tình hình dịch, bệnh tiến hành xây dựng bản đồ dịch tễ bệnh cúm và một số bệnh nguy hiểm trên đàn gia cầm của tỉnh trong năm.

* *Đối với giám sát lưu hành vi rút Cúm*: Giám sát tại các chợ và tụ điểm kinh doanh gia cầm: (*Lồng ghép với Kế hoạch lấy mẫu giám sát thuộc "Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với các chủng vi rút Cúm gia cầm nguy hiểm có khả năng lây sang người" đã được UBND tỉnh Kon Tum thống nhất tại Công văn số 829/UBND-KTN ngày 14 tháng 4 năm 2014*).

- *Mục tiêu*: 100% số huyện, thành phố trọng điểm chăn nuôi gia cầm thực hiện lấy mẫu giám sát Cúm tại các chợ, tụ điểm buôn bán gia cầm sống để xét nghiệm vi rút.

- *Thời gian*: 04 đợt/năm.

- *Đối tượng giám sát*: Chợ, tụ điểm buôn bán gia cầm sống trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- *Loại mẫu và số lượng mẫu (tính cho hàng năm)*: 440 mẫu Swab hầu họng vịt (*88 mẫu gộp*) và 560 mẫu môi trường (*112 mẫu gộp*).

- *Tổ chức lấy mẫu*: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện lấy mẫu và gửi mẫu xét nghiệm.

- *Chỉ tiêu xét nghiệm*: Phát hiện Cúm A/ H5, N1, N6 và cúm A/H7, N9 bằng phương pháp xét nghiệm Realtime RT-PCR, phân lập vi rút.

- *Kinh phí*: Nguồn ngân sách tỉnh.

* *Giám sát lưu hành vi rút Cúm tại các Cơ sở an toàn dịch bệnh*: Chủ cơ sở chăn nuôi gia cầm xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động giám sát lưu hành vi rút Cúm theo quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 06 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) *Giám sát bệnh LMLM*:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và theo Quyết định số 476/QĐ-BNN-TY, ngày 17/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống dịch, bệnh Lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020.

* *Giám sát lâm sàng chủ động*: Giám sát lâm sàng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, đặc biệt đối với gia súc mới đưa vào địa bàn, mới nuôi, gia súc trong vùng có ổ dịch cũ, địa bàn có nguy cơ cao do cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương xác định.

* *Giám sát bị động*: Khi xuất hiện các ổ dịch bệnh, nghi bệnh LMLM Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố tiến hành kiểm tra, xác minh và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm (nếu xét thấy cần thiết).

* *Giám sát sau tiêm phòng*:

- Giám sát sau tiêm phòng để đánh giá kết quả tiêm phòng và khả năng đáp ứng miễn dịch của đàn gia súc sau khi được tiêm vắc-xin;

- Lấy 360 mẫu huyết thanh tại 06 huyện, thành phố để xét nghiệm kháng thể bảo hộ sau tiêm phòng. Thời điểm lấy mẫu: Sau 30 ngày kể từ thời điểm tiêm phòng gần nhất.

d) *Giám sát bệnh Tai xanh*: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

* *Giám sát lâm sàng chủ động*: Giám sát lâm sàng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, đặc biệt đối với đàn lợn mới nuôi, đàn lợn trong vùng có ổ dịch cũ, địa bàn có nguy cơ cao do cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương xác định.

* *Giám sát bị động*: Khi xuất hiện các ổ dịch bệnh, nghi bệnh Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố tiến hành kiểm tra, xác minh và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm nếu xét thấy cần thiết (Lấy mẫu dịch ngoáy mũi, dịch nước bọt, mẫu huyết thanh của lợn đang bị sốt cao hoặc phối, lách, hạch của lợn mắc bệnh, chết, có dấu hiệu mắc bệnh).

2. 2. Giám sát các bệnh khác trên đàn vật nuôi

a) *Giám sát lâm sàng chủ động*: Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan chuyên môn phối hợp với chính quyền địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi lâm sàng để phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch, bệnh, đặc biệt đối với gia súc, gia cầm mới đưa vào địa bàn, mới nuôi, gia súc trong vùng có ổ dịch cũ, địa bàn có nguy cơ cao.

b) *Giám sát bị động*: Khi xuất hiện các ổ dịch bệnh, nghi bệnh Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố tiến hành kiểm tra, xác minh và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm (nếu xét thấy cần thiết).

2. 3. Giám sát thực hiện các Chương trình

Để nâng cao hiệu quả, kết quả thực hiện các Chương trình; thực hiện Chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 262/BNN-TY ngày 22 tháng 01 năm 2013 và UBND tỉnh Kon Tum tại Công văn số 275/UBND-KTN ngày 07 tháng 02 năm 2013 về việc chấn chỉnh công tác tiêm phòng vắc xin, sử dụng hóa chất để phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và

động vật thủy sản, theo đó phải:

- Thường xuyên, đột xuất tổ chức các Đoàn thanh tra, kiểm tra, đơn đốc công tác tiêm phòng vắc xin; sử dụng hóa chất khử trùng để phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và động vật thủy sản tại địa phương...

- Trong thời gian đang triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, các địa phương, các cơ quan chuyên môn: phân công cán bộ chuyên môn hoặc lập các tổ công tác kiểm tra việc thực hiện và kết quả thực hiện tại các địa phương, nhằm phát hiện những tồn tại bất cập, đề xuất giải pháp tháo gỡ để nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các Chương trình, Kế hoạch trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật.

3. Xử lý ổ dịch, chống dịch

3.1. Khai báo và điều tra ổ dịch động vật

Tổ chức, cá nhân khi phát hiện động vật mắc bệnh chết, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm hoặc động vật nuôi bị chết bất thường mà không rõ nguyên nhân:

- Phải thực hiện việc khai báo theo quy định tại Điều 07 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Khi nhận được thông tin có vật nuôi mắc bệnh, nghi mắc bệnh, thú y xã, phường, thị trấn phải khẩn trương kiểm tra xác minh và báo cáo theo quy định;

- Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện tiến hành kiểm tra, xác minh chẩn đoán và thực hiện điều tra ổ dịch bệnh trên động vật;

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh chỉ đạo, hỗ trợ điều tra ổ dịch đối với các Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện;

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương hỗ trợ cơ quan thú y thực hiện điều tra ổ dịch trên địa bàn quản lý.

- Việc điều tra ổ dịch thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Báo cáo dịch bệnh động vật trên cạn thực hiện theo hướng dẫn của Cục Thú y tại Công văn số 1455/TY-DT ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Cục Thú y.

* *Đối với bệnh Đại:* Bên cạnh thực hiện các nội dung trên, phải bổ sung: tổ chức điều tra, xử lý các ổ dịch bệnh Đại trên người và động vật theo hướng tiếp cận “Một sức khỏe”, có sự phối hợp của ngành Thú y và Y tế, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật; UBND cấp xã thành lập đội bắt chó có dấu hiệu mắc bệnh, mắc bệnh Đại và chó thả rông trong vùng có ổ dịch Đại để xử lý.

3.2. Xử lý gia súc mắc bệnh

Gia súc, gia cầm mắc bệnh được xử lý theo quy định tại Điều 10 các phụ lục: 06; 09; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 21 và 22 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn.

3.3. Chống dịch

- Xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật thú y;

- Công bố dịch, bệnh động vật: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật Thú y;

- Tổ chức chống dịch: Tổ chức chống dịch thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật Thú y; tổ chức phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm theo quy định tại Điều 28 và 29 của Luật Thú y.

- Công bố hết dịch: Theo quy định tại Điều 31 của Luật Thú y.

4. Vệ sinh, khử trùng tiêu độc

Thực hiện công tác vệ sinh, khử trùng tiêu độc phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn thực hiện theo quy định tại Phụ lục 8, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng theo quy định tại Phụ lục 8, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Triển khai tháng vệ sinh tiêu độc định kỳ theo các đợt phát động của địa phương và hướng dẫn của Cơ quan thú y.

5. Kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

- Công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn thực hiện theo Mục 1, Chương III của Luật Thú y năm 2015; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển động vật và sản phẩm động vật ra, vào địa bàn tỉnh. Các trạm kiểm dịch động vật đầu mỗi giao thông phối hợp thường xuyên với Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố để theo dõi và quản lý động vật nhập vào địa bàn; Tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm dịch vận chuyển để ngăn ngừa nguy cơ lây lan dịch bệnh từ bên ngoài vào địa bàn. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định hiện hành;

- Công tác kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển chó: Kiểm soát chặt và xử lý nghiêm các hành vi vận chuyển chó bất hợp pháp qua biên giới theo quy định của pháp luật về thú y; Tăng cường kiểm dịch vận chuyển chó trong nước, tập trung kiểm soát việc vận chuyển chó với số lượng lớn.

6. Đăng ký, theo dõi, quản lý, chăm sóc động vật nuôi

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi động vật theo quy định phải

đăng ký, thực hiện đăng ký với Chính quyền cấp xã, có biện pháp quản lý, chăm sóc phù hợp đảm bảo sức khỏe cho động vật và chấp hành các quy định về thú y.

6.1. Quản lý đàn trâu, bò, lợn, dê và cừu

Căn cứ khoản 2, Điều 20 của Pháp lệnh số 16/2004/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về giống vật nuôi:

- Dực giống trâu, bò, lợn, dê, cừu phải được hộ gia đình, cá nhân đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Dực giống trâu, bò, lợn, dê, cừu và dực giống phải có nguồn gốc rõ ràng, đã được kiểm dịch thú y;

- Thực hiện quy chế quản lý khai thác, sử dụng dực giống trâu, bò, lợn, dê, cừu, dực giống do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

6.2. Quản lý chó nuôi

a) Hình thức, nội dung quản lý

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*) tổ chức quản lý việc nuôi chó trên địa bàn để hỗ trợ và đánh giá kết quả công tác tiêm phòng Đại của xã (*lập danh sách hộ nuôi chó hoặc sổ quản lý chó nuôi - sau đây gọi chung là Danh sách hộ nuôi chó*); hằng năm cập nhật số liệu chó nuôi từ các thôn, làng, tổ dân phố (*gọi chung là cấp thôn*) trước đợt tiêm phòng để cung cấp cho cơ quan thú y;

- Trưởng thôn trực tiếp quản lý việc nuôi chó trên địa bàn thôn để hỗ trợ và đánh giá kết quả công tác tiêm phòng Đại của thôn (*Trưởng thôn thực hiện thống kê, cập nhật số lượng chó nuôi trước đợt tiêm phòng hằng năm; lập Danh sách hộ nuôi chó và báo cáo UBND cấp xã*); Chủ nuôi chó thông báo việc nuôi chó với cấp Trưởng thôn hoặc UBND cấp xã; Chủ nuôi chó cam kết nuôi nhốt (*hoặc xích*), giữ chó trong khuôn viên của gia đình. Nếu thả rông chó ra nơi công cộng sẽ bị xử phạt theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2013; Khuyến khích áp dụng thí điểm việc đeo thẻ (*vòng cổ có thể nhựa hoặc kim loại*) cho chó đã được tiêm phòng vắc-xin Đại tại các địa phương, đặc biệt ở khu vực thành phố;

- Năm 2018, thí điểm triển khai tại các phường thuộc thành phố Kon Tum; từ năm 2019-2021 tiến tới nhân rộng ra các xã thuộc thành phố Kon Tum và các thị trấn thuộc huyện trên địa bàn toàn tỉnh (*nếu việc thí điểm đạt hiệu quả tích cực*); chi phí triển khai do địa phương xây dựng từ nguồn người chăn nuôi chi trả.

b) Trách nhiệm Chủ vật nuôi:

- Phải đăng ký việc nuôi chó với Ủy ban nhân dân cấp xã tại các đô thị, nơi đông dân cư;

- Xích, nhốt hoặc giữ chó trong khuôn viên gia đình; bảo đảm vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng xấu tới người xung quanh. Khi đưa chó ra nơi công

cộng phải bảo đảm an toàn cho người xung quanh bằng cách đeo rọ mõm cho chó hoặc xích giữ chó và có người dắt;

- Nuôi chó tập trung phải bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y, không gây ồn ào, ảnh hưởng xấu tới những người xung quanh;

- Chấp hành tiêm vắc-xin phòng bệnh Đại cho chó, mèo theo quy định;

- Chịu mọi chi phí trong trường hợp chó thả rông bị bắt giữ, kể cả chi phí cho việc nuôi dưỡng và tiêu hủy chó. Trường hợp chó, mèo cắn, cào người thì chủ vật nuôi phải bồi thường vật chất cho người bị hại theo quy định của Pháp luật.

7. Quản lý hoạt động buôn bán, sử dụng thuốc thú y

- Thực hiện quản lý hoạt động buôn bán thuốc thú y theo quy định có liên quan tại Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Hàng năm tổ chức 01 đợt lấy mẫu thuốc dùng trong thú y được buôn bán tại thị trường trong tỉnh gửi kiểm nghiệm chất lượng. Thường xuyên rà soát, thống kê, để quản lý các cơ sở buôn bán thuốc thú y trên địa bàn tỉnh;

- Mở 02 lớp tập huấn các quy định của pháp luật về buôn bán và sử dụng thuốc thú y. Mục đích tuyên truyền, hướng dẫn cho các cơ sở buôn bán thuốc thú y và người chăn nuôi sử dụng thuốc thú y trong việc phòng, chữa bệnh cho động vật tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

8. Quản lý hành nghề thú y

Thực hiện việc quản lý hành nghề Thú y theo quy định tại Chương VI của Luật Thú y và các Điều 21, Điều 22 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

9. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Phổ biến các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh;

- Hướng dẫn các cơ sở, đơn vị, địa phương lập hồ sơ đăng ký chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh;

- Thành lập Hội đồng để thẩm định kiểm tra đánh giá và cấp chứng nhận cho các cơ sở, vùng đạt yêu cầu an toàn dịch bệnh theo quy định; hướng dẫn các cá nhân, tổ chức, các huyện về hồ sơ, thủ tục và điều kiện đăng ký công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định; hướng dẫn thực hiện các nội dung duy trì điều kiện của Cơ sở An toàn dịch bệnh;

- Kiểm tra định kỳ: Chi cục Chăn nuôi và Thú y xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá 01 lần đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Vùng an toàn bệnh Đại: Khuyến khích các thành phố, các huyện nơi có khu du lịch xây dựng vùng an toàn bệnh Đại để đảm bảo an toàn cho cộng đồng, thu hút du khách tới du lịch, tham quan; tổ chức đánh giá và công nhận địa phương (*xã, phường, thị trấn, huyện, thành phố*) không có bệnh Đại động vật.

10. Giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ

10.1. Thông tin tuyên truyền

a) Thông tin tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh nói chung:

Hướng dẫn các biện pháp phòng chống các dịch bệnh động vật (*như LMLM gia súc, Tai xanh ở lợn, Tự huyết trùng, Niu-Cát-Xon gia cầm,...*) để người chăn nuôi nâng cao nhận thức, biết và chủ động trong công tác phòng chống; hướng dẫn người chăn nuôi quản lý, cách ly, xử lý, chăm sóc và chữa trị cho gia súc mắc bệnh khi có dịch bệnh xảy ra.

b) Tuyên truyền về bệnh Đại:

Tổ chức thực hiện công tác truyền thông: Phát sóng trên đài truyền hình, đài phát thanh của địa phương; phát hành tờ rơi, áp phích, sách hướng dẫn phòng chống bệnh Đại,.. tài liệu do Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Y tế cung cấp; chủ động xây dựng thông điệp truyền thông cho phù hợp với đặc điểm dân cư trên địa bàn và phát trên loa truyền thanh, loa phát thanh của xã, phường; truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, qua mạng internet...

- Tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật, các chính sách của Nhà nước về phòng, chống bệnh Đại; quy định về nuôi chó, trách nhiệm của người nuôi chó và quản lý chó nuôi;

- Phối hợp liên ngành truyền thông về chiến dịch tiêm phòng cho chó trọng tháng cao điểm tiêm phòng bệnh Đại, nuôi chó phải chấp hành tiêm phòng vắc-xin Đại cho chó; công khai những hộ nuôi chó không chấp hành tiêm phòng vắc-xin Đại cho chó nuôi trên đài truyền thanh của xã;

- Tuyên truyền về việc hạn chế nuôi chó, gia đình có nhu cầu nuôi chó thì chỉ nên nuôi 01 con để giảm tổng đàn chó của Việt Nam, nuôi chó phải đăng ký với địa phương và thực hiện xích hoặc nhốt chó, đưa chó ra nơi công cộng phải đeo rọ mõm cho chó và có người dắt chó;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về sự nguy hiểm của bệnh Đại và các biện pháp phòng chống bệnh Đại ở người; hướng dẫn người bị chó cắn xử lý y tế ban đầu ngay sau khi bị chó cắn và đến các cơ sở y tế để được điều trị dự phòng kịp thời;

- Phát động, tổ chức và hưởng ứng ngày "Thế giới phòng chống bệnh Đại" vào ngày 28/9 tại tỉnh Kon Tum;

- Tăng cường vận động cộng đồng cùng tham gia giám sát, phòng chống bệnh Đại trên người và động vật;

- Tuyên truyền việc xây dựng vùng an toàn bệnh Đại.

c) Tuyên truyền về bệnh Cúm gia cầm:

Phát các băng đĩa hình và tiếng trên Đài phát thanh và truyền hình của tỉnh và các địa phương, để tuyên truyền:

- Thông tin phổ biến về bệnh Cúm gia cầm, tình hình dịch bệnh trên đàn gia cầm và biện pháp phòng chống trên các phương tiện thông tin đại chúng (loa, đài phát thanh và truyền hình) để người dân nhận thức được mức độ nguy hiểm và khả năng lây lan của dịch bệnh để chủ động trong công tác phòng, chống.

- Khuyến cáo người chăn nuôi, mua bán, giết mổ gia cầm: tổ chức vệ sinh môi trường, thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng trong chăn nuôi; thường xuyên vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, cơ sở mua bán, giết mổ; nếu có gia cầm chết phải tiêu hủy theo đúng quy định; thường xuyên cập nhật, theo dõi dịch bệnh của đàn gia cầm tại thôn và các thôn, xã liền kề; khi có thông tin dịch bệnh trên gia cầm phải kịp thời thông tin cho cơ quan thú y.

10.2. Tập huấn

Tập huấn cho người chăn nuôi, nhân viên thú y xã, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống thú y trên địa bàn tỉnh về: chuyên môn, nghiệp vụ, chủ trương chính sách, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

a) Tập huấn nâng cao nhận thức, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công các tổ chức tiêm phòng..., cho lực lượng thú y xã, phường, thị trấn tại các huyện, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn trong phòng, chống bệnh Đại:

- Chuẩn hóa chương trình tập huấn và tài liệu đào tạo về phòng chống bệnh Đại cho hệ thống thú y từ tỉnh tới xã, phường, thị trấn;

- Tập huấn kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực thu thập, bảo quản và vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật nghi mắc bệnh Đại, bảo đảm an toàn cho người thực hiện và chất lượng của mẫu;

- Tập huấn kỹ năng điều tra, giám sát, chẩn đoán xác định bệnh Đại động vật, phân tích tình hình dịch tễ, xác định vùng có nguy cơ lây truyền bệnh Đại, tiêm phòng vắc-xin Đại cho chó, xử lý ổ dịch bệnh Đại;

- Tập huấn quản lý đàn chó, kỹ năng bắt chó thả rông;

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cộng đồng trong công tác phòng, chống bệnh Đại;

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ Chi cục Chăn nuôi và Thú y thành giảng viên nguồn cho địa phương.

c) Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn giám sát Cúm gia cầm:

- Về năng lực chuyên môn: Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ (*tập huấn cho tất cả các đối tượng được giao nhiệm vụ có liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên toàn tỉnh, để nâng cao năng lực giám sát bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn toàn tỉnh*). Cụ thể:

- Cấp tỉnh: Cán bộ chuyên môn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh được tập huấn kiến thức chuyên môn về giám sát bệnh trên gia cầm; kỹ năng điều tra ổ dịch và chẩn đoán dịch, bệnh; Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh xây dựng bộ tài liệu chuẩn để tập huấn cho cán bộ thú y cấp huyện và cấp xã.

- Cấp huyện: Cán bộ Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố hằng năm được tham gia tập huấn do Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh tổ chức về bệnh và chẩn đoán xét nghiệm bệnh; một số quy định pháp lý về phòng chống dịch bệnh, giám sát, điều tra và xử lý dịch bệnh; phân tích số liệu dịch tễ, bao gồm cả số liệu giám sát.

- Cấp xã: Lực lượng cán bộ thú y xã, phường hằng năm được tham gia tập huấn do Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh, Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố tổ chức về các kỹ năng cơ bản về bệnh, chẩn đoán lâm sàng và các biện pháp phòng chống, kỹ năng lấy mẫu, bao gói và gửi mẫu xét nghiệm; một số quy định về phòng chống dịch bệnh, giám sát, điều tra và xử lý dịch bệnh cơ bản cho nhân viên thú y cấp huyện, cấp xã.

d) Tập huấn công tác phòng, chống bệnh LMLM (theo Chương trình Quốc gia)

Mở lớp tập huấn cho cán bộ các Phòng, Trạm trực thuộc Chi cục, Trưởng ban thú y các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh với các nội dung:

- Phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật trong công tác phòng, chống bệnh LMLM;

- Biện pháp phòng chống bệnh LMLM.

đ) Tổ chức các lớp tập huấn về chăn nuôi:

- Tổ chức 7 lớp/10 huyện, thành phố, tập huấn về chăn nuôi an toàn dịch bệnh, chăn nuôi Viet Gap, chăn nuôi an toàn sinh học. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, các chủ trang trại, hộ chăn nuôi áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật về phương thức liên kết sản xuất chăn nuôi theo chuỗi, áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo quy trình Viet Gap, công tác chăm sóc cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa mưa bão.

- Địa điểm mở lớp: Thành phố Kon Tum 01 lớp, tổ chức tập huấn tại Văn phòng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh; Đăk Glei 01 lớp; Đăk Tô + Tu Mơ Rông 01 lớp (*tổ chức tại Đăk Tô*); Sa Thầy + Ia H'Drai 01 lớp (*tổ chức tại Sa Thầy*); Ngọc Hồi 01 lớp; Đăk Hà 01 lớp; Kon Plông + Kon Rẫy 01 lớp (*tổ chức tại KonPlông*).

10.3. Nâng cao năng lực chẩn đoán của Phòng xét nghiệm

Bổ sung các trang thiết bị, vật tư, hóa chất, dụng cụ xét nghiệm..., nhằm:

nâng cao năng lực xét nghiệm chẩn đoán; tăng cường khả năng phân tích và quản lý an toàn sinh học, có khả năng xét nghiệm một số tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật; có thể tự chẩn đoán một số bệnh có nguy cơ truyền nhiễm cao đáp ứng sự nhanh chóng, kịp thời đối phó với những dịch bệnh trên động vật tại địa phương.

10.4. Điều trị dự phòng bệnh Đại (theo Chương trình Quốc gia phòng chống bệnh Đại):

Trong những năm gần đây, lực lượng tham gia công tác phòng chống bệnh Đại động vật tại một số địa phương trong khi thực hiện nhiệm vụ đã bị súc vật cắn, phải tự điều trị dự phòng. Để nâng cao hiệu quả phòng chống bệnh đại trên động vật và người, đề nghị hỗ trợ tiêm vắc-xin miễn phí để điều trị dự phòng trước phơi nhiễm cho lực lượng tham gia công tác phòng chống bệnh Đại tại các địa phương (nguồn kinh phí các huyện, thành phố).

III. Kinh phí và cơ chế tài chính

1. Kinh phí và nguồn kinh phí:

a) *Tổng kinh phí: 3.102.052.200 đồng.* Trong đó: Chi công tác tiêm phòng: 831.720.750 đồng; công tác giám sát dịch bệnh: 201.513.000 đồng; giám sát thực hiện các Chương trình: 143.100.000 đồng; đăng ký, theo dõi, quản lý, chăm sóc động vật nuôi: 172.500.000 đồng; vệ sinh, khử trùng tiêu độc: 1.114.694.000 đồng; Quản lý hoạt động buôn bán, sử dụng thuốc thú y: 112.912.500 đồng và Giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ: 525.611.950 đồng.

(Có bảng tổng hợp dự toán chi tiết kèm theo)

b) Nguồn kinh phí:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động cân đối từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu và dự toán chi sự nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2018 theo phân cấp để thực hiện trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và đúng qui định hiện hành.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động xây dựng Kế hoạch và cân đối từ nguồn ngân sách địa phương để triển khai các giải pháp kỹ thuật và truyền thông tại địa phương (ngoài nguồn kinh phí của tỉnh).

2. Cơ chế tài chính

a) *Ngân sách Trung ương:* Hỗ trợ theo Chương trình quốc gia (Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020 và Chương trình theo Nghị quyết 30a của Chính phủ).

b) *Ngân sách tỉnh:* cấp phát kinh phí để triển khai các giải pháp và truyền thông thuộc Kế hoạch chủ động phòng, chống bệnh động vật trên cạn năm 2018.

c) *Ngân sách huyện, thành phố:* cấp phát kinh phí để triển khai các giải pháp và truyền thông ngoài nguồn kinh phí của tỉnh.

d) *Chi phí chủ chăn nuôi*: Chi trả chi phí tiêm phòng đối với gia súc của người kinh và kinh phí xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (ngoài nguồn kinh phí của tỉnh).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với ngành chức năng thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo phòng, chống dịch; triển khai thực hiện quy hoạch phát triển cơ sở vùng nuôi an toàn.

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, các Sở ngành liên quan, các địa phương tổ chức thông tin, tuyên truyền sâu rộng về tác hại của dịch bệnh, các biện pháp phòng, chống dịch, quy trình nuôi an toàn, tiến bộ kỹ thuật đến các hộ nuôi, sản xuất, kinh doanh con giống để mọi người hiểu rõ từ đó tự giác thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch và tăng cường năng lực chủ động kiểm soát dịch bệnh động vật báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với Sở y tế trong việc hướng dẫn các địa phương giám sát và phòng chống các bệnh động vật lây sang người (*bệnh dại, cúm gia cầm, nhiệt thán,...*) theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 27 tháng 5 năm 2013 của liên Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người.

- Tổ chức kiểm tra tình hình triển khai thực hiện, kết quả thực hiện kế hoạch của các địa phương; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thông tin, tuyên truyền về các quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; thực hiện tốt công tác giám sát phát hiện, xử lý dịch; tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quy trình nuôi; quản lý chặt chẽ con giống nhập tỉnh đảm bảo sạch bệnh; hướng dẫn xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác chuyên môn, bao gồm: phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này và quyết toán theo quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định.

3. Các Sở, ngành liên quan và các tổ chức đoàn thể các cấp: Căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi Cục chăn nuôi và Thú y tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung trên; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các nội dung bản Kế hoạch này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ kế hoạch phòng, chống dịch bệnh của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; chỉ đạo các đơn vị liên quan của huyện phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn của tỉnh để triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn năm 2018; thường xuyên theo dõi, giám sát diễn biến dịch bệnh, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Trạm Chăn nuôi và Thú y; bố trí nhân lực, vật lực, chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch nhằm phát hiện sớm và nhanh chóng bao vây không chế dập tắt các ổ dịch khi mới xuất hiện;

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thanh, kiểm tra chặt số lượng, chất lượng con giống, quản lý vật tư, hóa chất, thuốc thú y, thức ăn, chất xử lý môi trường. Xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh theo Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y; Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân và Hộ gia đình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật nuôi theo hướng dẫn của Ngành nông nghiệp; thực hiện đúng quy định của Nhà nước về kiểm dịch, kiểm soát dịch bệnh; chỉ được phép sử dụng thức ăn, chế phẩm sinh học, kháng sinh, hóa chất nằm trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam theo quy định Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Trả chi phí có liên quan đến công tác phòng chống dịch bệnh động vật theo quy định;

- Hợp tác với cơ quan thú y trong việc lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu môi trường, dịch bệnh.

Trên đây là Kế hoạch Phòng, chống bệnh động vật trên cạn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp vướng mắc, khó khăn, các đơn vị báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Thú y);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NN5

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuy

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 3200/UBND-KH ngày 17 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Nội dung chi	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi công tác tiêm phòng				831.720.750	
1	Mua vắc xin, vật tư tiêm phòng				792.360.750	
1.1	Tiêm cho Trâu, bò				207.663.750	
a	Vắc xin LMLM (triển khai 02 đợt/năm)	Liều	158.000			Nguồn TW hỗ trợ theo CTQG
-	Vắc xin LMLM Chương trình Quốc gia	Liều	108.275			
-	Vắc xin LMLM Chương trình 30a	Liều	49.725			
b	Vắc xin THIT trâu bò (triển khai 01 đợt/năm)	Liều	79.000		207.663.750	
-	Vắc xin THIT trâu bò người Kinh		11.000	4.725		Nguồn dân chi trả
-	Vắc xin THIT trâu bò người dân tộc		43.950	4.725	207.663.750	Báo giá, Ngân sách tỉnh
-	Vắc xin THIT trâu bò Chương trình 30a		24.050			Nguồn TW hỗ trợ
1.2	Tiêm cho lợn				322.644.000	
a	Vắc xin Dịch tả lợn				112.224.000	
-	Vắc xin Dịch tả lợn người Kinh (60.000 liều/2 đợt)	Liều	60.000			Nguồn dân chi trả
-	Vắc xin Dịch tả lợn người Đồng bào dân tộc (33.400 liều x 2 đợt)	Liều	66.800	1.680	112.224.000	Báo giá, Ngân sách tỉnh
b	Vắc xin Nhị liên (THT+PTH) tiêm cho lợn đồng bào dân tộc(33.400 liều x 2 đợt)	Liều	66.800	3.150	210.420.000	
c	Vắc xin Dịch tả Chương trình 30a	Liều	34.800			Nguồn TW hỗ trợ
1.3	Tiêm cho gia cầm (Kinh phí mua vắc xin, vật				235.890.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	tu tiêm phòng vắc xin cúm gia cầm)					
-	Vắc xin H5N1 (570.000 liều/ 03 đợt/năm)	Liều	570.000	357	203.490.000	Báo giá, Ngân sách tỉnh
-	Kim tiêm (40 xô x 20 cây/xô x 3 đợt)	Cây	2.400	1.050	2.520.000	
-	Găng tay (3 đôi/xô x 3 đợt x 40 xô)	Đôi	360	18.000	6.480.000	
-	Bảo hộ dùng 1 lần (3 bộ/xô x 3 đợt x 40 xô)	Bộ	360	65.000	23.400.000	
1.4	Tiêm cho chó (kinh phí mua vắc xin Đại và vật tư tiêm phòng)				26.163.000	
-	Tiền mua vắc xin tiêm phòng (24.500 liều)					
	Vắc xin diện người dân chi trả (7.500 liều)	Liều	7.500			Người dân chi trả
	Vắc xin huyện hỗ trợ (14.000 liều)	Liều	14.000			Huyện hỗ trợ
-	Tiền công tiêm phòng (24.500 liều)	Liều	24.500			Người dân chi trả hoặc xin ngân sách địa phương
-	Mua dụng cụ chuyên môn				26.163.000	
	Găng tay (3 đôi/xô x 102 xô)	Đôi	306	18.000	5.508.000	Báo giá
	Kim tiêm (50 cây/xô x 102 xô)	Cây	5.100	1.050	5.355.000	
	Rọ mõm (3 cái/xô x 102 xô)	Cái	306	50.000	15.300.000	
2	Chi phí vận chuyển vắc xin, photo biểu mẫu quyết toán tiêm phòng 10 huyện, thành phố				10.000.000	
3	Tiền điện, xăng chạy kho lạnh (mất điện) bảo quản vắc xin, bảo dưỡng kho lạnh, lệ phí thẩm định giá				29.360.000	
-	Tiền điện (12 tháng)	Tháng	12	1.300.000	15.600.000	Tạm tính
-	Xăng dự kiến mỗi tháng mất điện 1 ngày, mỗi ngày 10 lít (12 tháng x 10 lít)	Lít	120	23.000	2.760.000	

TT	Nội dung chi	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Tiền vệ sinh bảo dưỡng kho lạnh				2.000.000	
-	Lệ phí thẩm định giá, thông báo chào hàng cạnh tranh mua vắc xin				9.000.000	
II	Công tác giám sát dịch bệnh				201.513.000	
I	Giám sát chủ động				201.213.000	
1.1	Giám sát chủ động lưu hành virus (Chương trình hành động khẩn cấp và Chương trình Quốc gia giám sát bệnh Cúm gia cầm)				183.649.000	Chương trình Quốc gia
-	Chi phí lấy mẫu (mẫu Swab hầu - họng):				19.200.000	
	Tiền lưu trú (1 người x 2 ngày x 4 đợt x 8 huyện)	Ngày	64	200.000	12.800.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền nghỉ trọ (1 người x 1 đêm x 4 đợt x 8 huyện)	Đêm	32	200.000	6.400.000	
-	Chi phí xét nghiệm:				155.025.000	
+	Chi phí xét nghiệm mẫu H5N1 (phát hiện bằng kỹ thuật Real time RT-PCR)				82.485.000	
	Xác định một serotype H5	Mẫu (gộp)	88	585.000	51.480.000	Báo giá Vùng 5
	Xác định một serotype N1 (ước tính có 40% H5)	Mẫu (gộp)	36	585.000	21.060.000	
	Xác định một serotype N6 (ước tính có 20% H5 khi không phát hiện (+) với N1)	Mẫu (gộp)	17	585.000	9.945.000	
+	Chi phí xét nghiệm mẫu H7N9 (phát hiện bằng kỹ thuật)				72.540.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Real time RT-PCR)					
	Xác định một serotype H7	Mẫu (gộp)	112	585.000	65.520.000	Bảo giá Vùng 5
	Xác định một serotype N9 (ước lượng có 10% H7)	Mẫu (gộp)	12	585.000	7.020.000	
-	Chi phí gửi mẫu	Lần	4	200.000	800.000	Tạm tính
-	Chi phí mua dụng cụ, hoá chất (tạm tính)				7.024.000	
	Ống đựng mẫu	Ống	200	5.000	1.000.000	Bảo giá
	Tăm bông	Cái	1.000	500	500.000	
	Găng tay	Đôi	200	18.000	3.600.000	
	Khẩu trang	Cái	132	1.000	132.000	
	Áo mưa (11 chợ x 3 người x 4 lần)	Cái	132	6.000	792.000	
	Môi trường đã pha chế	Lit	1	1.000.000	1.000.000	Tạm tính
-	Tiền công lấy mẫu (180 mẫu swab hầu họng và 180 mẫu swab môi trường)	Mẫu	200	8.000	1.600.000	
1.2.	Giám sát sau tiêm phòng bệnh LMLM (CTQG) (360 mẫu huyết thanh/6 huyện)				17.564.000	Chương trình Quốc gia
-	Tiền công lấy mẫu kiểm tra IIT (60 mẫu/huyện x 6 huyện/đợt x 1 đợt)	Mẫu	360	30.000	10.800.000	Thông tư số 283/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Bảo hộ lao động				1.404.000	
	Khẩu trang dùng một lần (3 người x 3 cái/ngày x 3 ngày x 6 huyện)	Cái	162	2.000	324.000	
	Găng tay cao su dùng một lần (360 mẫu x 1 đôi/mẫu)	Đôi	360	3.000	1.080.000	
-	Dụng cụ lấy mẫu				3.760.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Bơm tiêm nhựa 10ml + Kim lấy mẫu (Hư hỏng 10%)	Bộ	400	4.000	1.600.000	
	Ống chặt huyết thanh (360 cái)	Cái	360	1.000	360.000	
	Cồn bông, nước đá (tạm tính)				1.500.000	
	Hộp xốp bảo quản và gửi mẫu	Cái	6	50.000	300.000	
-	Chi phí vận chuyển trong tỉnh: Vận chuyển mẫu, dụng cụ từ Chi cục đi huyện và ngược lại (1 lần)	Lần	6	100.000	600.000	Tạm tính
-	Chi phí vận chuyển mẫu đi TP.HCM xét nghiệm		1	1.000.000	1.000.000	Tạm tính
2	Giám sát bị động (khi có dịch bệnh xảy ra đối với các bệnh: Cúm gia cầm, Đại động vật, tai xanh trên lợn, Dịch tả lợn, Niu-Cát-xon, và các bệnh khác nếu có)				30.000.000	Tạm tính
III	Giám sát thực hiện các Chương trình				143.100.000	
1	Giám sát chủ động bệnh Đại				19.700.000	
1.1	Giám sát cấp tỉnh				5.400.000	
+	Phụ cấp CTP (1 người x 2 ngày x 9 huyện)	Ngày	18	200.000	3.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
+	Nghỉ trợ (1 người x 1 đêm x 9 huyện)	Đêm	9	200.000	1.800.000	
1.2	Giám sát cấp huyện				12.300.000	
+	Phụ cấp CTP (2 người x 2 ngày x 9 huyện)	Ngày	36	200.000	7.200.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
+	Nghỉ trợ (2 người x 1 đêm x 9 huyện)	Đêm	18	200.000	3.600.000	
+	Khoản CTP cho Trạm CN-TY TP (3 người)	Người	3	500.000	1.500.000	
1.3	Tiền xăng xe giám sát	Đợt	1	2.000.000	2.000.000	Tạm tính
2	Tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm				9.000.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Phụ cấp CTP (1 người x 2 ngày x 5 huyện x 3 đợt)	Ngày	30	200.000	6.000.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Nghỉ trợ (1 người x 1 đêm x 5 huyện x 3 đợt)	Đêm	15	200.000	3.000.000	
3	Giám sát KTTĐ				50.200.000	
3.1	Giám sát cấp tỉnh				21.600.000	
+	Phụ cấp CTP (1 người x 2 ngày/lần x 2 lần/đợt x 2 đợt x 9 huyện)	Ngày	72	200.000	14.400.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
+	Nghỉ trợ (1 người x 1 đêm/lần x 2 lần/đợt x 2 đợt x 9 huyện)	Đêm	36	200.000	7.200.000	
3.2	Giám sát cấp huyện				24.600.000	
+	Phụ cấp CTP (2 người x 2 ngày x 9 huyện x 2 đợt)	Ngày	72	200.000	14.400.000	Thông tư số 40/2017 của Bộ Tài chính
+	Nghỉ trợ (2 người x 1 đêm x 9 huyện x 2 đợt)	Đêm	36	200.000	7.200.000	
+	Khoản CTP cho Trạm CN-TY TP (3 người x 2 đợt)	Người	6	500.000	3.000.000	
3.3	Xăng xe giám sát	Đợt	2	2.000.000	4.000.000	Tạm tính
4	Giám sát tiêm phòng bệnh LMLM (Chương trình Quốc gia)				64.200.000	
4.1	Giám sát cấp tỉnh (tiêm phòng + thực hiện Chương trình)				21.600.000	
-	Tiền lưu trú (2 người x 2 ngày x 9 huyện x 2 đợt)	Ngày	72	200000	14.400.000	
-	Tiền nghỉ trợ (2 người x 1 đêm x 9 huyện x 2 đợt)	Đêm	36	200000	7.200.000	
4.2	Giám sát cấp huyện (Tiêm phòng + thực hiện				24.600.000	

TT	Nội dung chi	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	CT)					
-	Tiền lưu trú (2 người x 2 ngày/huyện x 9 huyện x 2 đợt/năm)	Ngày	72	200000	14.400.000	
-	Tiền nghỉ trọ (2 người x 1 đêm/huyện x 9 huyện x 2 đợt/năm)	Đêm	36	200000	7.200.000	
-	Tiền khoán CTP (3 người x 500.000 đ/đợt x2 đợt/năm)	Người	6	500000	3.000.000	
4.3	Phụ cấp cho kế toán và thống kê				18.000.000	
-	Phụ cấp cho kế toán (1 người x 500.000đ/tháng x 12 tháng)	Tháng	12	500.000	6.000.000	
-	Phụ cấp cho cán bộ thống kê (2 người x 500.000đ/ người /tháng x 12 tháng)	Tháng	12	1.000.000	12.000.000	
IV	Đăng ký, theo dõi, quản lý, chăm sóc động vật nuôi				172.500.000	
1	Quản lý thống kê đàn chó				172.500.000	NS huyện, thành phố
-	Hỗ trợ cho trường thôn thống kê (200.000 đồng/thôn/năm)	Thôn	786	200.000	157.200.000	CT quốc gia, NS huyện
-	Hỗ trợ cho cán bộ thú y cấp xã tổng hợp số liệu, giám sát, điều tra và xử lý ổ dịch (150.000 đồng/đợt/xã/năm)	Xã	102	150.000	15.300.000	
2	Kinh phí cấp Giấy chứng nhận tiêm phòng					NS huyện, thành phố
3	Kinh phí mua Sổ theo dõi chó, mèo tại các thôn, tổ					NS huyện, thành phố
-	Mua sổ theo dõi chó, mèo					
V	Vệ sinh, khử trùng tiêu độc (Mua vật tư, hóa				1.114.694.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	chất KTTĐ, phí vận chuyển hóa chất)					
1.1	Hóa chất (3.500 lít hóa chất x 2 đợt)	Lít	7.000	140.400	982.800.000	Tạm tính
1.2	Vật tư, bảo hộ khử trùng tiêu độc				111.894.000	
-	Quần, áo mưa (3 bộ/xã x 102 xã x 2 đợt)	Bộ	612	80.000	48.960.000	Báo giá
-	Kính bảo hộ (3 cái/xã x 102 xã)	Cái	306	40.000	12.240.000	
-	Găng tay (3 đôi/xã x 102 xã x 2 đợt)	Đôi	612	18.000	11.016.000	
-	Khẩu trang phục vụ KTTĐ (3 cái/xã x 102 xã x 2 đợt)	Cái	612	6.500	3.978.000	
-	Bình bom hóa chất khử trùng tiêu độc (1 cái/xã x 102 xã)	Cái	102	350.000	35.700.000	
1.3	Thuê xe vận chuyển hóa chất				20.000.000	Tạm tính
VI	Quản lý hoạt động buôn bán, sử dụng thuốc thú y				112.912.500	
1	Lớp 1: Tập huấn cho các tổ chức/cá nhân có hoạt động kinh doanh thuốc thú y và thú y thủy sản					Chi phí học viên tự chi trả
2	Lớp 2: Tập huấn cho người sử dụng thuốc thú y (các cơ sở chăn nuôi động vật và thủy sản tập trung; các cá nhân hành nghề, đội ngũ thú y có sử dụng thuốc thú y				57.800.000	
-	Chi tiền cho học viên không hưởng lương (50 người/lớp)				24.300.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn (50 người/ngày)	Ngày	50	150.000	7.500.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Hỗ trợ tiền ngủ cho HV trên 15 km (2 đêm)	Đêm	84	150.000	12.600.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Hỗ trợ tiền đi lại HIV trên 15 km (45 người/lớp)	Người	42	100.000	4.200.000	
-	Chi tiền lớp học				4.600.000	
-	Tiền nước uống (50 người/ngày)	Ngày	50	40.000	2.000.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Tiền photo tài liệu tập huấn (30 trang x 30 bộ)	Trang	1.500	500	750.000	
-	Tiền Vở, bút, bi nút	Bộ	50	15.000	750.000	
-	Tiền giảng viên	Ngày	1	600.000	600.000	Thông tư số 139/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Tiền trang trí hội trường + tiền phục vụ lớp học (01 lớp)	Lớp	1	500.000	500.000	
3	Lấy mẫu kiểm tra chất lượng thuốc thú y				55.112.500	
3.1	Chi phí lấy, gửi mẫu, giám sát xử lý thuốc kém chất lượng				9.700.000	
a	Lấy mẫu				2.000.000	
-	Công tác phí				1.800.000	
+	Phụ cấp lưu trú (4 người x 1 ngày x 3 huyện)	Ngày	12	200.000	2.400.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Dụng cụ, thùng, bao gói				200.000	Tạm tính
b	Vận chuyển, bảo quản (đem mẫu đi TP Hồ Chí Minh xét nghiệm)				1.300.000	
-	Công tác phí (2 ngày x 1 người)	Ngày	2	200.000	400.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Tiền tàu xe (2 lần: đi và về)	Lần	2	350.000	700.000	
-	Chi phí vận chuyển mẫu				200.000	Tạm tính
c	Công tác phí niêm phong và thu hồi, tiêu hủy thuốc				2.400.000	
-	Công tác phí đi niêm phong thuốc kém chất				1.200.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	lượng					
+	Phụ cấp lưu trú (01 người x 01 ngày x 06 huyện)	Ngày	6	200.000	1.200.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Công tác phí giám sát thu hồi, tiêu hủy thuốc kém chất lượng				1.200.000	
+	Phụ cấp lưu trú (01 người x 01 ngày x 6 huyện)	Ngày	6	200.000	1.200.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
d	Tiền xăng xe ô tô, đi lấy mẫu huyện Đak Hà, Đak Tô, Ngọc Hồi và TP Kon Tum				4.000.000	
3.2	Phân tích mẫu xét nghiệm (tạm tính)				33.412.500	
a	Kháng sinh đơn chất		15	685.300	10.279.500	Thông tư số 283/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính
b	Kháng sinh đa chất (02 chất)		30	771.100	23.133.000	
3.3	Tiền mua mẫu xét nghiệm (tạm tính)				12.000.000	
a	Kháng sinh đơn chất	Lọ/gói	300	20.000	6.000.000	Tạm tính
b	Kháng sinh đa chất	Chai/gói	60	100.000	6.000.000	
VII	Giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ				525.611.950	
I	Tuyên truyền				55.440.000	
1.1	Truyền thông (in tờ rơi, áp phích tuyên truyền phòng, chống bệnh Đại động vật)				22.440.000	Tạm tính
a	In tờ rơi hướng dẫn cộng đồng phòng, chống bệnh Đại (50 tờ/xã x 102 xã)	Tờ	5.100	4.000	20.400.000	CT quốc gia
b	In áp phích về phòng, chống bệnh Đại (4 tờ/xã x 102 xã)	Tờ	408	5.000	2.040.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.2	Tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh Cúm gia cầm thuộc Chương trình quốc gia giám sát bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Kon Tum				33.000.000	
a	Phát băng đĩa hình trên Đài PTTH tỉnh chuyên mục tuyên truyền về nội dung Chương trình quốc gia giám sát bệnh Cúm gia cầm; công tác phòng, chống dịch bệnh nói chung trong đó có dịch bệnh trên đàn gia cầm (vào buổi tối)	Phút	30	880.000	26.400.000	Báo giá
b	Phát băng đĩa tiếng trên Đài PTTH tỉnh chuyên mục tuyên truyền về nội dung Chương trình quốc gia giám sát bệnh Cúm gia cầm; công tác phòng, chống dịch bệnh nói chung trong đó có dịch bệnh trên đàn gia cầm	Phút	30	220.000	6.600.000	
2	Tập huấn				465.545.000	
2.1	Tập huấn nghiệp vụ CM cho thú y cơ sở; tổng số học viên 309 người/10 lớp/10 huyện, thành phố; thời gian 1 ngày/lớp				93.775.000	
-	Chi tiền cho thú y cơ sở				63.000.000	
+	Hỗ trợ tiền ăn (309 người x 1 ngày)	Ngày	309	150.000	46.350.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
+	Hỗ trợ tiền ngủ học viên trên 15 km (111 người x 1 đêm)	Đêm	111	100.000	11.100.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
+	Hỗ trợ đi lại học viên trên 15 km (tạm tính)	người	111	50.000	5.550.000	
-	Chi tiền lớp học				30.775.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
+	Tiền nước uống (309 người x 1 ngày)	Ngày	309	40.000	12.360.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
+	Tiền thuê hội trường, trang trí (1 ngày x 4 lớp)	Lớp	4	600.000	2.400.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
+	Tiền trang trí hội trường (6 lớp)	Lớp	6	200.000	1.200.000	
+	Tiền photo tài liệu tập huấn (40 trang x 309 bộ)	Trang	12.360	500	6.180.000	
+	Tiền vở, bút, bì nút	Bộ	309	15.000	4.635.000	
+	Tiền giảng viên (10 lớp x 1 ngày /lớp)	Ngày	10	400.000	4.000.000	
2.2	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn công tác phòng, chống bệnh Đại thuộc Chương trình quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại động vật				101.140.000	
-	Đào tạo kỹ thuật tuyến huyện (2 ngày x 30 người/lớp x 1 lớp); bao gồm: 20 cán bộ Trạm CN-TY, 10 cán bộ Trạm Y tế huyện)				35.000.000	
+	Chi tiền công tác phí cho cán bộ Trạm CN-TY đi tập huấn				30.000.000	
	Tiền lưu trú (30 người x 3 ngày)	Ngày	90	200.000	18.000.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền nghỉ trọ (30 người x 2 đêm)	Đêm	60	200.000	12.000.000	
+	Chi tiền lớp học				5.000.000	
	Tiền nước uống (30 người x 2 ngày)	Ngày	60	40.000	2.400.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền trang trí hội trường	Lớp	1	200.000	200.000	Tạm tính
	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 30 bộ)	Trang	1.500	500	750.000	
	Tiền vở, bút, bì nút	Bộ	30	15.000	450.000	
	Tiền giảng viên (2 ngày)	Ngày	2	600.000	1.200.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Đào tạo kỹ thuật tuyến xã 02 lớp/năm, đối tượng là các trường ban thú y xã (102 người/102 xã x 2 ngày/lớp)				66.140.000	
+	Chi tiền cho thú y cơ sở				51.100.000	
	Hỗ trợ tiền ăn (102 người x 02 ngày)	Ngày	204	150.000	30.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Hỗ trợ tiền ngủ học viên trên 15 km (82 người x 02 đêm)	Đêm	164	100.000	16.400.000	Tạm tính
	Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên trên 15 km (tạm tính)	Người	82	50.000	4.100.000	
+	Chi tiền lớp học				15.040.000	
	Tiền nước uống (102 người x 2 ngày)	Ngày	204	40.000	8.160.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền trang trí hội trường	Lớp	2	200.000	400.000	Tạm tính
	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 102 bộ)	Trang	5.100	500	2.550.000	
	Tiền vở, bút, bi nút	Bộ	102	15.000	1.530.000	
	Tiền giảng viên (2 ngày)	Ngày	4	600.000	2.400.000	
2.3	Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chương trình quốc gia giám sát bệnh Cúm gia cầm				104.520.000	
-	Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ nâng cao năng lực hệ thống giám sát bệnh Cúm gia cầm cho đối tượng là cán bộ Chi cục và cán bộ Trạm Chăn nuôi và Thú y, thời gian dự kiến 2 ngày (10 cán bộ Chi cục và 10 cán bộ Trạm)				20.850.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
+	Chi tiền CTP cho CB Trạm đi tập huấn				10.000.000	
	Tiền lưu trú (10 người x 2 ngày)	Người	20	200.000	4.000.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền nghỉ trọ (10 người x 3 đêm)	Đêm	30	200.000	6.000.000	
+	Thực hành lấy mẫu máu, huyết thanh gia cầm, chẩn đoán, mổ khám bệnh tích				1.650.000	
	Vật tư, bảo hộ thực hành				400.000	Tạm tính
	Gia cầm (gà, vịt)	Con	5	250.000	1.250.000	
+	Chi tiền lớp học				9.200.000	
	Tiền nước uống (20 người x 2 ngày)	Ngày	40	40.000	1.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền photo tài liệu tập huấn (80 trang x 20 bộ)	Trang	1.600	500	800.000	Tạm tính
	Tiền vở, bút, bì nút	Bộ	20	15.000	300.000	
	Tiền trang trí hội trường	Lớp	1	400.000	400.000	
	Phục vụ lớp tập huấn	Ngày	2	150.000	300.000	
	Tiền giảng viên (Cơ quan Thú y vùng 5)	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
	Tiền tàu, xe (02 người x 2 lượt x 500.000đ/lượt)		4	500.000	2.000.000	Thông tư số 139/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền lưu trú (Thuê phòng ngủ)	Đêm	3	600.000	1.800.000	
-	Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ nâng cao năng lực hệ thống giám sát bệnh Cúm gia cầm cho đối tượng là thú y cơ sở (cấp xã), thời gian dự kiến 02 ngày/lớp x 03 lớp (tổng số học viên 102 thú y cơ sở)				83.670.000	
+	Chi tiền cho cán bộ không hưởng lương (thú y cơ sở)				54.900.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Hỗ trợ tiền ăn (102 người x 2 ngày)	Ngày	204	150.000	30.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên trên 15 km (81 người x 2 đêm)	Đêm	162	150.000	24.300.000	
+	Hỗ trợ đi lại học viên trên 15 km (tạm tính)	Người	81	50.000	4.050.000	
+	Thực hành lấy mẫu máu, huyết thanh gia cầm, chẩn đoán, mô khám bệnh tích				5.250.000	
	Vật tư, bảo hộ thực hành				1.500.000	Tạm tính
	Gia cầm (gà, vịt)	Con	15	250.000	3.750.000	
+	Chi tiền lớp học				19.470.000	
	Tiền nước uống (102 người x 2 ngày)	Ngày	204	40.000	8.160.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
	Tiền photo tài liệu tập huấn (80 trang x 102 bộ)	Trang	8.160	500	4.080.000	Tạm tính
	Tiền vở, bút, bì nút	Bộ	102	15.000	1.530.000	
	Tiền giảng viên (3 lớp x 2 ngày/lớp)	Ngày	6	600.000	3.600.000	
	Tiền trang trí hội trường	Lớp	3	400.000	1.200.000	
	Phục vụ lớp tập huấn	Ngày	6	150.000	900.000	
2.4	Tập huấn dịch bệnh LMLM (3 lớp, 2 ngày/lớp, 116 người/lớp bao gồm: 10 cán bộ Trạm, 102 thú y cơ sở và 04 cán bộ văn phòng Chi cục)				93.010.000	
a	Chi tiền cho cán bộ không hưởng lương (thú y cơ sở)				58.950.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn (102 người x 2 ngày)	Ngày	204	150.000	30.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC của Bộ
-	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên trên 15 km (81 người x 2 đêm)	Đêm	162	150.000	24.300.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Hỗ trợ đi lại học viên trên 15 km (tạm tính)	Người	81	50.000	4.050.000	Tài chính
b	Chi tiền CTP cho CB hưởng lương đi tập huấn				7.200.000	
-	Tiền lưu trú (9 người x 2 ngày)	Người	18	200.000	3.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Tiền nghỉ trọ (9 người x 2 đêm)	Đêm	18	200.000	3.600.000	
c	Thực hành lấy mẫu máu gia súc				5.500.000	
-	Thuê gia súc và địa điểm thực hành	Lớp	3	1.500.000	4.500.000	Tạm tính
-	Vật tư, bảo hộ thực hành				1.000.000	
d	Chi tiền lớp học				21.360.000	
-	Tiền nước uống (116 người x 2 ngày)	Ngày	232	40.000	9.280.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Tiền photo tài liệu tập huấn (80 trang x 116 bộ)	Trang	9.280	500	4.640.000	
-	Tiền vở, bút, bì nút	Bộ	116	15.000	1.740.000	
-	Tiền giảng viên (3 lớp x 2 ngày/lớp)	Ngày	6	600.000	3.600.000	
-	Tiền trang trí hội trường	Lớp	3	400.000	1.200.000	
-	Phục vụ lớp tập huấn	Ngày	6	150.000	900.000	
2.5	Tổ chức các lớp tập huấn về chăn nuôi				73.100.000	
a	Chi tiền CTP cho người không hưởng lương đi tập huấn				42.000.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Hỗ trợ tiền ăn (tạm tính 280 người x 1 ngày)	người	280	150.000	42.000.000	
b	Tiền chi lớp học				26.900.000	
-	Tiền nước uống (280 người x 1 ngày/7 lớp)	Người	280	40.000	11.200.000	
-	Tiền trang trí hội trường (cắt chữ+ hoa tươi)	lớp	7	500.000	3.500.000	
-	Tiền thuê hội trường	Lớp	2	500.000	1.000.000	
-	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 280	Trang	14.000	500	7.000.000	

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	bộ)					
-	Tiền Vở, bút, bi nút	Bộ	280	15.000	4.200.000	
c	Tiền phụ cấp cho báo cáo viên				4.200.000	
-	Tiền giảng viên (soạn bài giảng + Trình bày báo cáo)	Ngày	7	600.000	4.200.000	
3	Nâng cao năng lực chẩn đoán của Phòng xét nghiệm				4.626.950	
-	Mua vật tư, hóa chất phục vụ xét nghiệm				4.626.950	Tạm tính
4	Điều trị dự phòng bệnh Dại (tạm tính mỗi huyện, TP 01 người) 170.000d/mũi x 5 mũi x 10 người (theo Chương trình quốc gia)	người	10	1.500.000		Kinh phí huyện, thành phố (tạm tính)
	Tổng (I+II+III+IV+V+VI+VII)				3.102.052.200	